

ĐẠNH MỤC VẬT LIỆU NỖI THẤT CÁN HỒ

[illegible]

STT	trình độ học	trình độ học	việc làm & ứng dụng	việc làm & ứng dụng
IV				
10	chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật	chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật	chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật	chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật
11	chuyên viên	chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật	chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật	chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật
12	chuyên viên	chuyên viên	chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật	chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật
13	chuyên viên kỹ thuật	chuyên viên kỹ thuật	chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật	chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật
14	chuyên viên kỹ thuật	chuyên viên kỹ thuật	chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật	chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật
15	chuyên viên kỹ thuật	chuyên viên kỹ thuật	chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật	chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật
16	chuyên viên kỹ thuật	chuyên viên kỹ thuật	chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật	chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật
17	chuyên viên kỹ thuật	chuyên viên kỹ thuật	chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật	chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật
18	chuyên viên kỹ thuật	chuyên viên kỹ thuật	chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật	chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật
19	chuyên viên kỹ thuật	chuyên viên kỹ thuật	chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật	chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật
V				
20	chuyên viên	chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật	chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật	chuyên viên, cấp 4 chuyên ngành kỹ thuật

Psychological	Positive Training: Training
Psychological	Positive Training: Training
Psychological	Positive Training: Training

STT	TIẾNG VIỆT	TIẾNG ANH	TIẾNG VIỆT & NGỮ NGUYÊN	TIẾNG VIỆT & NGỮ NGUYÊN
100	thời gian chờ đợi (waiting time) thời gian chờ đợi, chờ đợi, chờ đợi, chờ đợi	wait time	waiting time (waiting time)	waiting time
101. waiting time				
101	thời gian chờ đợi (waiting time) chờ đợi, chờ đợi, chờ đợi	wait time (waiting time)	waiting time (waiting time)	waiting time (waiting time)
102	chờ đợi	wait time	waiting time (waiting time)	waiting time (waiting time)
103	chờ đợi một thời gian	wait time (waiting time)	waiting time (waiting time)	waiting time (waiting time)
104	chờ đợi một thời gian	wait time (waiting time)	waiting time (waiting time)	waiting time (waiting time)
105	chờ đợi một thời gian	wait time (waiting time)	waiting time (waiting time)	waiting time (waiting time)
106	chờ đợi một thời gian	wait time (waiting time)	waiting time (waiting time)	waiting time (waiting time)
107	chờ đợi	wait time (waiting time)	waiting time (waiting time)	waiting time (waiting time)
108	chờ đợi	wait time (waiting time)	waiting time (waiting time)	waiting time (waiting time)
109	chờ đợi	wait time (waiting time)	waiting time (waiting time)	waiting time (waiting time)
110. waiting time				
111	chờ đợi	wait time (waiting time)	waiting time (waiting time)	waiting time (waiting time)
112	chờ đợi	wait time (waiting time)	waiting time (waiting time)	waiting time (waiting time)
113	chờ đợi	wait time (waiting time)	waiting time (waiting time)	waiting time (waiting time)
114. waiting time				
115	chờ đợi	wait time (waiting time)	waiting time (waiting time)	waiting time (waiting time)

STT	Loại hình hợp	Trên bảng	Loại hình và nội dung	Loại hình và nội dung
10	Loại hình hợp	Loại hình hợp	Loại hình hợp	Loại hình hợp
11	Loại hình hợp			
12. Loại hình hợp				
13	Loại hình hợp	Loại hình hợp		Loại hình hợp